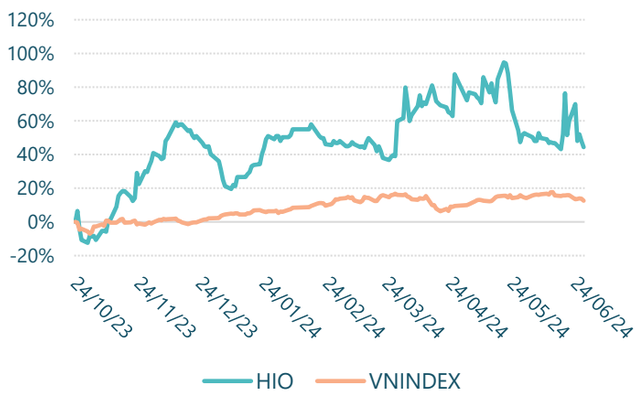
CTCP Helio Energy (UPCOM: HIO)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	24,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**-16.2%**	**-1.6%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,800 - 32,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	512
Số lượng CPLH (CP)	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	72,325
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.51)
EPS	952
P/E	25.6

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

32.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10 | -0.3%

YoY: ▼0.30 | -0.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

113%

YoY: +/-▼ 10.8%

LN gộp

Q2/24

16.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50 | 2.9%

YoY: ▲ 0.60 | 3.5%

ROE (TTM)

Q2/24

8.4%

LN trước thuế

Q2/24

9.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.33 | 17.3%

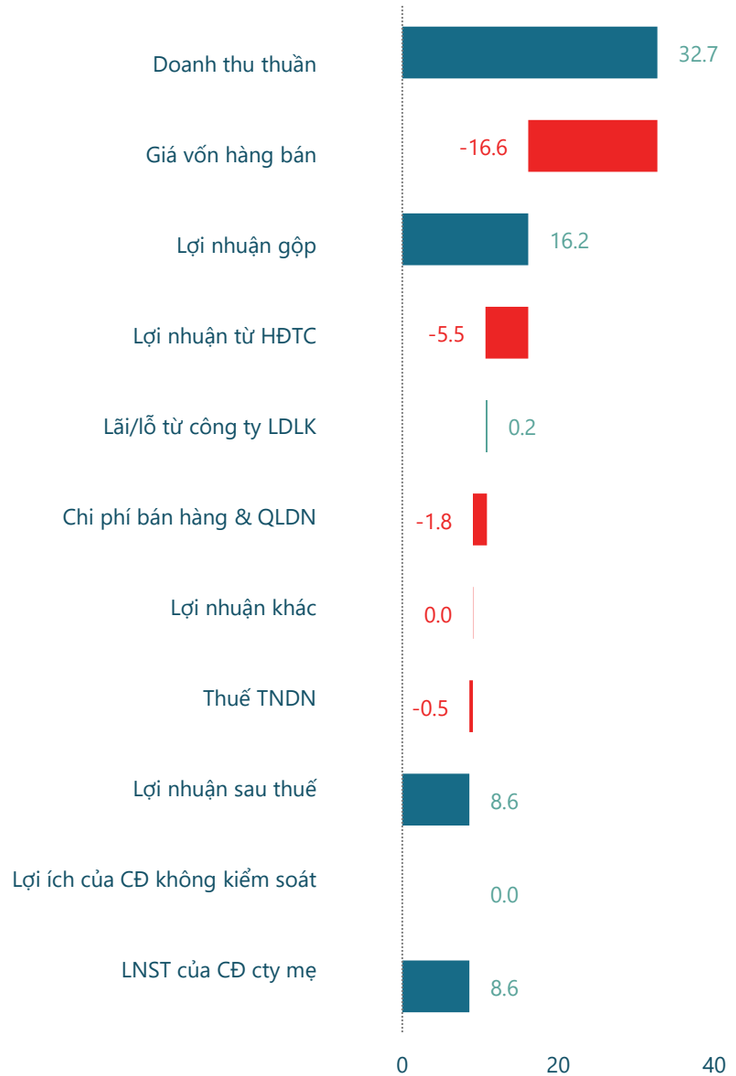
YoY: ▲ 4.11 | 83.4%

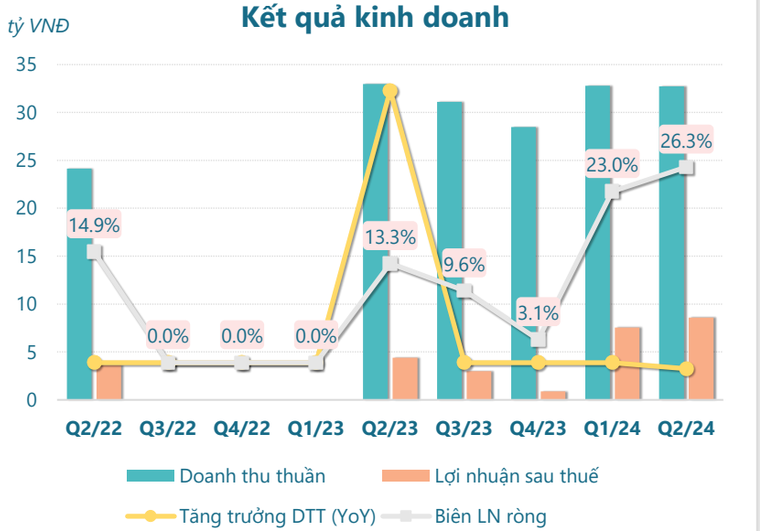
ROA (TTM)

Q2/24

3.6%

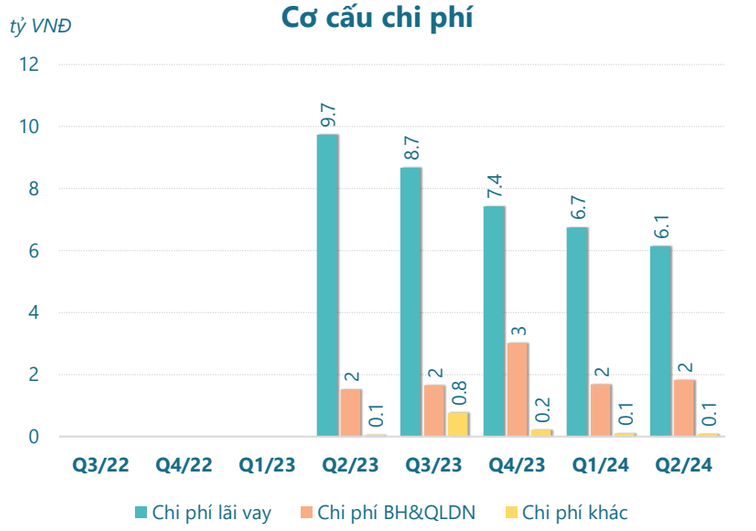
Kết quả kinh doanh Q2/24





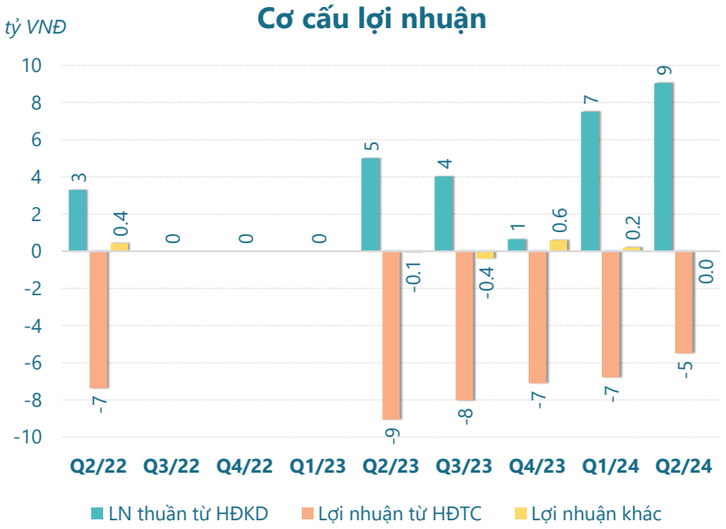
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 9.05 tỷ đồng**, tăng thêm 20.7% so với kỳ trước và cao hơn 81.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 5.49 tỷ đồng** tăng thêm 1.29 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 3.56 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** giảm đi 105% so với kỳ trước và tăng thêm 0.05 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HIO** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **32.71 tỷ đồng** giảm đi **0.82%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 8.59 tỷ đồng**, **tăng trưởng 95.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **66.00 tỷ đồng** tăng thêm 66.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.00 tỷ đồng** tăng thêm 16.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **6.14 tỷ đồng** giảm đi 9.04% so với kỳ trước và thấp hơn 37.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.82 tỷ đồng** tăng thêm 8.33% so với kỳ trước và cao hơn 19.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.09 tỷ đồng** giảm đi 10.0% so với kỳ trước và cao hơn 50.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Helio Energy (UPCOM: HIO)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**32.7**	**32.8**	**-0.3%**	**33.0**	**-0.9%**	**65.5**		
Giá vốn hàng bán	16.6	17.1	-3.2%	17.3	-4.3%	33.7		
Lợi nhuận gộp	16.2	15.7	2.9%	15.6	3.5%	31.8		
Doanh thu HĐTC	0.79	0.00		0.69	15.0%	0.80		
Chi phí TC	6.29	6.78	-7.3%	9.74	-35.5%	13.1		
Chi phí lãi vay	6.14	6.75	-9.0%	9.74	-36.9%	12.9		
LN trong công ty LKLD	**0.21**	**0.29**	**-27.3%**	**-0.09**	**334%**	**0.50**		
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0		
Chi phí QLDN	**1.82**	**1.68**	**8.6%**	**1.52**	**20.0%**	**3.51**		
LN thuần từ HĐKD	9.05	7.50	20.6%	4.99	81.3%	16.5		
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.21**	**-103%**	**-0.06**	**89.2%**	**0.21**		
LN trước thuế	9.04	7.71	17.3%	4.93	83.4%	16.8		
Lợi nhuận sau thuế	**8.59**	**7.53**	**14.0%**	**4.39**	**95.6%**	**16.1**		
LNST của CĐ cty mẹ	**8.59**	**7.53**	**14.0%**	**4.39**	**95.6%**	**16.1**		

